Evaluation Warning : The document was created with Spire.PDF for .NET.

Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Bộ phận một cửa Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ:

Kiểm tra tính hợp lệ của thành phần hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Hướng dẫn bằng văn bản ghi rõ thủ tục, nội dung cần bổ sung, kê khai lại nếu hồ sơ thiếu thủ tục hoặc kê khai chưa chính xác. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã đề nghị.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ theo dõi hồ sơ đã tiếp nhận; ghi và giao giấy biên nhận hồ sơ cho người được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cử đến nộp hồ sơ.

Bước 3: Thu giấy biên nhận, trả giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng cho đơn vị, tổ chức, cá nhân đề nghị.

Thành phần hồ sơ: 01 (một) bộ

1. Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng. Trường hợp mất, hư hỏng Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng phải có văn bản nêu rõ lý do và kết quả xử lý.

2. Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

Thời gian giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Phí: không

Lệ Phí: 10.000 đồng/ 01 giấy.

Yêu cầu - điều kiện:

* Điều kiện thực hiện: Chỉ cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng khi giấy phép bị mất, hư hỏng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017), cụ thể:

"1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan".

Căn cứ pháp lý

1. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017).

2. Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3. Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

4. Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

5. Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

6. Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. 7. Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/04/2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung mộ số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Biểu mẫu: không

Kết quả thực hiện: Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng./.